TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 4-2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Đặng Thị Thơm

2/ Bà Nguyễn Thị Hợp

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Hải – Thư ký Tòa án huyện Thống Nhất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa*: Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 437/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX- ST ngày 26 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị L** – sinh năm: 1981

Nơi cư trú: Khu 4, ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Điểu T**– sinh năm: 1970

Nơi cư trú: Khu 3, ấp X, xã X. huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L, anh T cùng có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Điểu T tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn được UBND xã X, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/5/2000. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của chị.

Thời gian đầu sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Nhưng đến năm 2002 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt say xỉn, mỗi lần như vậy thì anh T thường kiếm chuyện gây gỗ đánh đập chị và các con, có lần anh T còn dùng dao để chém chị nhưng được các con can ngăn nên không gây ra thương tích gì. Vào năm 2012 thì anh T bị tai nạn giao thông dẫn đến việc kinh tế khó khăn, anh T

không thông cảm, chia sẻ khó khăn với chị với chị mà còn ghen tuông vô cớ kiếm chuyện gây gỗ đánh đập chị.

Tại tòa, chị L xác định chị không còn tình cảm với anh T và khả năng đoàn tụ gia đình là không có. Do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Điểu T.

- ***Về con chung:*** Vợ chồng chung sống có 03 (ba) con chung là Điểu Mạnh H1 – sinh năm 2000; Điểu Thị Nguyệt H2 – sinh ngày 18/5/2003; Điểu Thị Nguyệt N – sinh ngày 16/5/2006.

Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2, cháu N. Hiện hai con chung đang ở chung với chị, tạm thời chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị L đang làm công nhân tại công ty P thuộc khu công nghiệp Bàu Xéo, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Đối với cháu H1 đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về tài sản***: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ chung***: Không có, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Điểu T trình bày:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng sự thật.

Anh T và chị Nguyễn Thị L sống chung như vợ chồng từ năm 1999 đến năm 2000 vợ chồng đi đăng ký và được UBND xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/5/2000. Đây là hôn nhân lần đầu của của anh T.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuân nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xúc phạm nhau. Anh T thừa nhận bản thân thường xuyên uống rượu và có kiếm chuyện gây gỗ và đánh chị chị L, nguyên nhân là do chị L mỗi lần đi làm về thì không nói chuyện với anh nên anh tức và có đánh chị. Anh T nhận thấy bản thân mình cũng sai và có lỗi nhưng do không kiềm chế được bản thân nên anh đã nhiều lần dùng vũ lực đối với chị L.

Từ đầu tháng 12/2018 anh T có uống rượu với bạn bè, do say quá nên khi về nhà anh T có xúc phạm đến chị L và chị L đã thu xếp quần áo về nhà cha mẹ ruột để sống. Từ đó vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bản thân anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu chị L.

Tuy nhiên, tại tòa, anh xác định bản thân anh không còn biện pháp nào hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng anh T không đồng ý ly hôn với chị L và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- ***Về con chung*:** Vợ chồng chung sống có 03 (ba) con chung là Điểu Mạnh H1 – sinh năm 2000; Điểu Thị Nguyệt H2 – sinh ngày 18/5/2003; Điểu Thị Nguyệt N – sinh ngày 16/5/2006.

Trong trường hợp ly hôn thì anh đồng ý giao cháu H2, cháu N cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh chưa cấp dưỡng nuôi con chung do chị L chưa yêu cầu.

Đối với cháu H1 đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về tài sản chung*:** Anh Điểu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ chung***: Không có, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật đã đến Tòa làm việc và cung cấp lời khai, chứng cứ đầy đủ. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX xử cho chị L và anh T được ly hôn; đồng thời giao cháu H2 và cháu N được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đối với cháu H1 đã thành niên và có khả năng lao động, do vậy Tòa án không giải quyết. Tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04 tháng 5 năm 2000, hôn nhân của chị L và anh T phù hợp với các Điều 5; Điều 6 và Điều 8 luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay chị L giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với anh T. Anh T không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm yêu thương đối với chị L và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của chị L với anh T thì thấy:

Chị L và anh T đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, kiếm chuyện gây gỗ và đánh đập chị L. Lời trình bày của chị L và anh T phù hợp với biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của đương sự được lập vào ngày 04/01/2019 tại UBND xã X (BL 14). Mặt khác, giữa chị L và anh T không có sự tin tưởng nhau về tình cảm, không có sự tôn trọng nhau. Từ những mâu thuẫn trên nên từ tháng 12/2018 thì chị L về nhà mẹ của chị L sống tại khu 4, ấp X, xã X, huyện T từ đó cho đến nay

Trong thời gian không chung sống với nhau thì anh T cũng không đến tìm chị để vợ chồng đoàn tụ, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, mạnh ai

người đó sống, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Xét, nguyện vọng của anh T được đoàn tụ gia đình là không có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định, phân tích trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng không hạnh phúc, chị L yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

[2] Về con chung: Chị L, anh T thừa nhận, vợ chồng 03 (ba) con chung là Điểu Mạnh H1 – sinh năm 2000; Điểu Thị Nguyệt H2 – sinh ngày 18/5/2003; Điểu Thị Nguyệt N – sinh ngày 16/5/2006. Hiện cháu H2, cháu N đang ở chung với chị L và được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu H2, cháu N có mong muốn và nguyện vọng được ở chung với chị T, các con chung đang học tập và phát triển tốt. Do vậy, để ổn định tâm lý và sự phát triển của con trẻ. Xét cần tiếp tục giao cháu H2 cháu N cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ. Tạm thời chị L chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét trong vụ án này.

Đối với cháu Điểu Mạnh H1 đã thành niên và có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[3] Về tài sản: Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Không có, chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí được chuyển sang nộp án phí.

Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất phù hợp với nhận định của HĐXX nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 5; Điều 6, Điều 8 luật Hôn nhân gia đình năm 1986

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Điểu T được ly hôn.

- *Về con chung:* Giao 02 (hai) con chung là cháu Điểu Thị Nguyệt H2 – sinh ngày 18/5/2003; Điểu Thị Nguyệt N – sinh ngày 16/5/2006 cho chị Nguyễn Thị L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Điểu T cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Điểu Mạnh H1 đã thành niên và có khả năng lao động, do vậy HĐXX không xem xét, giải quyết.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở…

- *Về tài sản:* Chị Nguyễn Thị L và anh Điểu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 001583 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất sang nộp án phí. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Chị L, anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- VKS huyện TN;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Và Kíu